

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày 28-5-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Duyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Tô Thị Lợi
- Ông Hứa Văn Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 13/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/5/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Đ; sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn B, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; có mặt.

- Bị đơn: Anh Lưu Văn H; sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do. Hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2024, bản tự khai ngày 08/4/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lưu Văn H kết hôn năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn ngày 10/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn chị và anh Lưu Văn H chung sống hạnh phúc, đến tháng 4 năm 2020 thì chị và anh Lưu Văn H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không

tìm được tiếng nói chung, bản thân anh Lưu Văn H nghiện ma túy. Tháng 6/2023 anh Lưu Văn H phải đi cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn theo quyết định của Tòa án, nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ thời điểm đó cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Lưu Văn H, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lưu Văn H.

Về con chung: Chị và anh Lưu Văn H có 01 con chung là Lưu Minh T, sinh ngày 22/10/2017. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Thị Đ không yêu cầu anh Lưu Văn H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và cho vay chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Lưu Văn H, tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo trực tiếp tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn và hướng dẫn viết bản tự khai, tuy nhiên anh Lưu Văn H không hợp tác tự viết bản tự khai. Do vậy, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh Lưu Văn H, tại biên bản lấy lời khai ngày 26/4/2024 anh Lưu Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị Đ đăng ký kết hôn vào ngày 10/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Thời gian đầu anh và chị Hoàng Thị Đ chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Hoàng Thị Đ đi làm công ty, có nhắn tin qua lại với người khác, do đó tình cảm giữa anh và chị Hoàng Thị Đ lạnh nhạt dần. Đến tháng 6/2023 anh phải đi cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn, từ thời gian đó anh và chị Hoàng Thị Đ đã sống ly thân cho đến nay và anh cũng xác định không còn tình cảm với chị Hoàng Thị Đ, nhưng anh không đồng ý ly hôn với chị Hoàng Thị Đ.

Về con chung: Anh và chị Hoàng Thị Đ có 01 con chung là Lưu Minh T, sinh ngày 22/10/2017. Trường hợp phải ly hôn anh đồng ý để chị Hoàng Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, vì hiện nay anh đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn và anh cũng không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và cho vay chung: Không có.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn do đó tòa án sẽ căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm căn cứ giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Về thẩm quyền thụ lý vụ án; xác định mối quan hệ tranh chấp; xác định tư cách của những người tham gia tố tụng; việc giao nộp chứng cứ; việc thu thập chứng cứ lấy lời khai của đương sự; việc tổng đạt các văn bản tố tụng; việc thông báo, thành phần, trình tự về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thời hạn chuẩn bị xét xử; thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát được thực hiện đúng theo các Điều 28, 35, 68, 96, 97, 98, 175, 177, 203, 205, 208, 209, 210, 211, 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã

tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định về việc viết bản tự khai và cung cấp tài liệu, chứng cứ theo quy định; bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố Tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Đ, cho chị Hoàng Thị Đ ly hôn với anh Lưu Văn H. Về con chung: Chị Hoàng Thị Đ và anh Lưu Văn H có 01 con chung là Lưu Minh T, sinh ngày 22/10/2017. Khi ly hôn chị Hoàng Thị Đ đề nghị sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Thị Đ không yêu cầu anh Lưu Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lưu Minh T cho chị Hoàng Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh Lưu Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Hoàng Thị Đ không yêu cầu. Anh Lưu Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung và cho vay chung: Không có. Về án phí: Chị Hoàng Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Lưu Văn H, như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ... Tại phiên tòa hôm nay, anh Lưu Văn H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lưu Văn H.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngày 26/3/2014 chị Hoàng Thị Đ gửi đơn xin ly hôn với anh Lưu Văn H và yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Đ và anh Lưu Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 10/8/2017 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có 01 con chung là Lưu Minh T. Đến năm

2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, hai bên không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 6/2023 anh Lưu Văn H đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn thì hai bên bắt đầu sống ly thân nhau cho đến nay. Chị Hoàng Thị Đ đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án và được Tòa án thụ lý vụ án vào ngày 02 tháng 4 năm 2024, tại đơn xin ly hôn, tại bản khai và tại phiên tòa chị Hoàng Thị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lưu Văn H. Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/4/2024 của anh Lưu Văn H và biên bản hòa giải anh Lưu Văn H đều trình bày giữa anh và chị Hoàng Thị Đ về quan hệ hôn nhân đã có mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 6/2023 đến nay. Anh Lưu Văn H thừa nhận không còn tình cảm với chị Hoàng Thị Đ, nhưng anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Hoàng Thị Đ. Hội đồng xét xử thấy về quan hệ hôn nhân của chị Hoàng Thị Đ và anh Lưu Văn H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần giải quyết cho chị Hoàng Thị Đ được ly hôn với anh Lưu Văn H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Chị Hoàng Thị Đ và anh Lưu Văn H có 01 con chung, tên là Lưu Minh T, sinh ngày 22/10/2017, hiện đang ở cùng bố mẹ anh Lưu Văn H. Khi ly hôn chị Hoàng Thị Đ yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Quan điểm của anh Lưu Văn H, nếu phải ly hôn anh đồng ý để chị Hoàng Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, vì hiện nay anh đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn. Hội đồng xét xử thấy hiện nay anh Lưu Văn H đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn không thể nuôi dưỡng, chăm sóc con được, yêu cầu của chị Hoàng Thị Đ là có căn cứ cần chấp nhận, giao cháu Lưu Minh T, sinh ngày 22/10/2017 cho chị Hoàng Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hoàng Thị Đ không yêu cầu anh Lưu Văn H cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung và cho vay nợ chung: Không có.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Hoàng Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Đ, cho chị Hoàng Thị Đ được ly hôn với anh Lưu Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Lưu Minh T, sinh ngày 22/10/2017 cho chị Hoàng Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi; anh Lưu Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000852, do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn thu ngày 01/4/2024. Xác nhận chị Hoàng Thị Đ đã nộp đủ

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị Đ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Lưu Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- UBND xã Thạch Đạn, H. Cao Lộc, T. Lạng Sơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Đặng Thị Duyệt